

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG
&&&**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/DS-ST

Ngày: 20/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Viết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Xương.

2/ Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2021/TLST-DS, ngày 5 tháng 03 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1939, địa chỉ: ấp Số J, xã KA, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thu S; sinh năm 1990, địa chỉ: ấp Y, xã KA, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01/03/2021, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Tháng 6 năm 2020 bà có cho bà Lê Thị Thu S mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền là 48.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả và lãi suất. Đầu năm 2021 bà nhiều lần yêu cầu bà S trả tiền nhưng bà S không trả mà hẹn hoài nên bà yêu cầu Tổ hòa giải ấp Y, xã KA giải quyết, tại buổi hòa giải ngày 24/02/2021 bà S thừa nhận nợ bà số tiền trên nhưng xin trả dài hạn, bà không đồng ý.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S trả cho bà tiền vốn 48.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, từ ngày 24/02/2021 cho đến ngày xét xử.

* Bị đơn bà Lê Thị Thu S trình bày: Vào khoảng tháng 6/2020 bà có vay của bà H nhiều lần với số tiền 18.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 30%/tháng, tới tháng bà không có đóng lãi nên 02 bên thống nhất nhập lãi vào vốn nên số vốn hiện nay

là 48.000.000 đồng, khi vay và nhập lãi không có làm giấy tờ, không ai biết, bà không có gì để chứng minh. Nay bà đồng ý trả cho bà H 48.000.000 đồng nhưng mỗi tháng trả 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, bà không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Bà Lê Thị H và bà Lê Thị Thu S có thỏa thuận vay tài sản, sau đó phát sinh tranh chấp, bà H và bà S cùng cư trú tại huyện K nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết vụ án về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, từ tháng 6 năm 2020 bà S có vay tiền của bà H nhiều lần, không thỏa thuận lãi và thời gian trả. Tính đến tháng 02/2021 bà S vay của bà H với số tiền là 48.000.000 đồng. Ngày 6/02/2021 bà S và bà H lập biên bản thỏa thuận với nội dung bà S sẽ trả cho bà H 48.000.000 đồng vào tháng 4/2021. Ngày 24/02/2021 bà H yêu cầu Tổ hòa giải ấp Y, xã KA giải quyết, tại đây bà S thừa nhận nợ nhưng xin trả dài hạn. Nay bà H yêu cầu bà S trả vốn một lần. Bà S thừa nhận số nợ trên nhưng xin trả một tháng 1.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Việc các bên thừa nhận có vay nợ và thiếu tiền vốn nêu trên là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Khi tham gia giao dịch các bên đều có năng lực hành vi, tự nguyện giao kết, thỏa thuận với nhau, giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong quá trình vay nợ, bà S là người có lỗi, vì không thực hiện đúng nghĩa vụ của người vay, đã nhận tiền vay nhưng không trả vốn lãi. Vì vậy, bà S phải có trách nhiệm trả cho bà H tiền vốn vay theo quy định tại Điều 280, Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu tính lãi từ ngày 24/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm mà chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án là có lợi cho bị đơn, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[6] Bà S xin trả dài hạn, bà H không đồng ý. Vì vậy, yêu cầu của bà S không có căn cứ để chấp nhận. Vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí: Bà S phải chịu án phí là 2.400.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 351, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.
- 2/. Buộc bà Lê Thị Thu S phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền vốn 48.000.000 đồng (bốn mươi tám triệu đồng).
- 3/. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- 4/. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Thu S phải chịu 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm ngàn đồng).
- 5/. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.
- 6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thạch Viết Tâm